

Số: 147/2024/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 357, 397, 468 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 148/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Họ và tên: Chị **Tổng Thị L**, sinh năm: 1990.

HKTT: Số nhà 18, ngõ 130, đường T, phường N thành phố N, tỉnh N.

2. Họ và tên: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1985.

HKTT: Thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu **Nguyễn Quang M**, sinh ngày 21/6/2016.

HKTT: Số nhà 18, ngõ 130, đường T, phường N thành phố N, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật của cháu M: Anh T và chị L là bố, mẹ đẻ cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013 của UBND xã X, huyện V, tỉnh H đã xác định: Anh Nguyễn Xuân T và chị Tổng Thị L đăng ký kết hôn ngày 23/10/2013 tại UBND xã X huyện V trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc, việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L chung sống tại thôn 5, xã X, huyện V tỉnh H

Anh T, chị L đều thừa nhận: Do có nhiều bất đồng không hòa hợp được nên quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được anh chị sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, anh chị không nói chuyện, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đến nay cả hai đều xác nhận không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, anh T, chị L thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị L mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng, không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, đời sống chung không thể kéo dài nếu tiếp tục duy trì sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của anh chị và con, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L.

[2] Về con chung: Anh T và chị L cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 21/6/2016. Ly hôn chị L, anh T thống nhất thỏa thuận: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Quang M đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị L cùng thống nhất thỏa thuận anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho chị L 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2024 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Xét thấy chị L có công việc và thu nhập ổn định. Từ khi ly thân cháu M đang được chị L chăm sóc tốt, ổn định. Việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cấp dưỡng nuôi con của anh T và chị L là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của hiện tại của anh chị và các con, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh T chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh T và chị L cùng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân T và chị Tống Thị L thống nhất thỏa thuận anh T nộp toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình.

Đây là thỏa thuận tự nguyện, hợp pháp nên được công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Tống Thị L đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 21/6/2016. Ly hôn chị L và anh T thống nhất thỏa thuận: Giao chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang M đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị L cùng thống nhất thỏa thuận anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho chị L 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2024 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh T chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh T và chị L cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Xuân T và chị Tống Thị L thống nhất thỏa thuận anh T nộp toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình. Anh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003023 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Vũ Thu Giang